TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-10-2019
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Thành;
2. Bà Nguyễn Hoàng Liên;

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Lộc Hồng Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18-9-2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 10/TB-TA ngày 14-10-2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Linh C, sinh năm 1995
Trú quán: Tổ dân phố số 5, thị trấn A, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Chu Ngọc A, sinh năm 1990
Trú quán: Tổ dân phố số 4, thị trấn A, huyện VY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28-6-2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Linh C trình bày:

Chị và anh Chu Ngọc A chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 2 năm 2012 đến ngày 04-02-2015 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không còn hòa hợp, vợ chồng có xảy ra xô xát, cãi nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng căng thẳng. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị C xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Chu Ngọc A nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Chu Hạo N, sinh ngày 04-03-2013 hiện cháu N đang ở với chị C. Khi ly hôn chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Chu Ngọc A phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Văn Yên đã nhiều lần báo gọi, gửi thông báo phiên hòa giải cho anh Chu Ngọc A, đều nhận được nhưng không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh Chu Ngọc A vẫn đăng ký hộ khẩu tại tổ dân phố số 4, thị trấn A, huyện VY. Hiện nay anh Chu Ngọc A không cắt tạm trú, tạm vắng hoặc chuyển khẩu đi đâu. Tại biên bản xác minh ngày 20-8-2019, ông Nguyễn Xuân D -Tổ trưởng tổ dân phố số 4, thị trấn A, huyện VY cho biết: Chị C và anh Chu Ngọc A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện VY. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống cùng gia đình bố mẹ của anh Chu Ngọc A. Thời gian gần đây vợ chồng mâu thuẫn, chị C đã chuyển về ở nhà bố mẹ đẻ. Vợ chồng chị C và anh Chu Ngọc A có một con chung là Chu Hạo N, sinh ngày 04-3-2013, hiện cháu N đang ở với chị C. Nay chị C xin ly hôn anh Chu Ngọc A đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo lời khai của ông Chu Thanh K (là bố chồng của chị Nguyễn Thị Linh C), anh A và chị C kết hôn có tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện VY. Sau khi kết hôn anh A và chị C chung sống cùng với gia đình ông. Vợ chồng chị C và anh Ngọc A chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng chị C và anh A có một con chung Chu Hạo N, sinh ngày 04-03-2013. Do mâu thuẫn với anh Ngọc A nên chị C đã đưa con về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở tổ dân phố số 5, thị trấn A, huyện VY. Chị C xin ly hôn anh Ngọc A, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 57, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, xử cho chị C và anh Ngọc A được ly hôn; Giao cháu Chu Hạo N cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh Ngọc A không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh Chu Ngọc A là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh Chu Ngọc A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh Ngọc A về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 02 năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, đến ngày 04-02-2015 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh Ngọc A là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống chị C và anh Ngọc A tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 đến nay. Từ đó vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau nữa. Qua xác minh tại gia đình và chính quyền địa phương thì mâu thuẫn giữa chị C và anh Ngọc A là đúng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên thấy yêu cầu ly hôn của chị C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Linh C.

[4] Về con chung: Chị C và anh Ngọc A có 01 con chung là Chu Hạo N, sinh ngày 04-03-2013. Hiện cháu N đang ở với chị C và do chị C chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị C nhận nuôi con và không yêu cầu anh Ngọc A phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy: Cháu Chu Hạo N còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần giao con chung là Chu Hạo N cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh Chu Ngọc A không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Linh C là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứkhoản 2 Điều 227; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Linh C đối với anh Chu Ngọc A. Chị Nguyễn Thị Linh C được ly hôn anh Chu Ngọc A.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Linh C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Chu Hạo N, sinh ngày 04-03-2013 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi. Anh Chu Ngọc A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Linh C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai số AA/2017/0001419 ngày 28-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VY, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Chu Ngọc A không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Linh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Chu Ngọc A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Văn;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- UBND thị trấn A;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương